

CÔNG TY CỔ PHẦN IN DIÊN HỒNG

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán	04
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	09-19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Diên Hồng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In Diên Hồng được thành lập theo Quyết định số 1574/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tên viết tắt của Công ty là: DIPCO - JSC

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103004371 ngày 13 tháng 05 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 17/9/2009 của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thì lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- In sách giáo khoa, sách khác, báo, tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý, kinh tế xã hội
- Xuất nhập khẩu các loại vật tư, hàng hoá, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành in;
- In tranh ảnh giáo dục;
- Sản xuất và mua bán thiết bị giáo dục;
- Đại lý phát hành sách giáo khoa, sách tham khảo và các ấn phẩm văn hóa khác;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 13.831.800.000 đồng (Mười ba tỷ tám trăm ba mươi một triệu tám trăm ngàn đồng chẵn).
Tương đương với 1.383.180 cổ phần.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Minh Khang	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 22/4/2009)
Ông Nguyễn Đình Quý	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 22/4/2009)
Ông Hoàng Văn Thoả	Ủy viên
Ông Đinh Ngọc Thực	Ủy viên
Bà Trần Thị Lan	Ủy viên
Bà Mạc Thị Thoa	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 22/4/2009)
Ông Nguyễn Văn Phúc	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 22/4/2009)

Các thành viên của Ban kiểm soát gồm

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 22/4/2009)
Bà Mạc Thị Thoa	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 22/4/2009)
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 22/4/2009)
Ông Hồ Quốc Khánh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 22/4/2009)
Bà Đỗ Thị Phương	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 22/4/2009)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Ngọc Thực	Giám đốc điều hành (bổ nhiệm ngày 22/4/2009)
Ông Nguyễn Đình Quý	Giám đốc điều hành (miễn nhiệm ngày 22/4/2009)
Ông Hoàng Văn Thoả	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, Ngày 02 tháng 01 năm 2010

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc

Đinh Ngọc Thực

Số: /2010/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
của Công ty Cổ phần In Diên Hồng**

Kính gửi:

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Diên Hồng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần In Diên Hồng được lập Ngày 02 tháng 01 năm 2010, gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày từ trang 5 đến trang 19 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In Diên Hồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2010

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)
Phó Tổng giám đốc**

Kiểm toán viên

Nguyễn Thanh Tùng
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Hoàng Thúy Nga
Chứng chỉ KTV số: 0762/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		21.377.822.426	19.901.693.641
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền		3.026.841.538	2.907.586.448
111	1 Tiền	3	2.026.841.538	2.907.586.448
112	2 Các khoản tương đương tiền		1.000.000.000	-
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn		4.124.130.960	2.726.899.732
131	1 Phải thu của khách hàng		1.967.271.628	1.019.504.711
132	2 Trả trước cho người bán		312.000.000	287.000.000
135	3 Các khoản phải thu khác	4	1.904.970.198	1.477.909.898
139	4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(60.110.866)	(57.514.877)
140	IV Hàng tồn kho		13.264.672.735	12.976.226.574
141	1 Hàng tồn kho	5	13.264.672.735	12.976.226.574
150	V Tài sản ngắn hạn khác		962.177.193	1.290.980.887
152	1 Thuế GTGT được khấu trừ		794.502.457	1.080.975.179
154	2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	232.935	58.407.636
158	3 Tài sản ngắn hạn khác		167.441.801	151.598.072
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		7.319.584.408	8.488.249.170
220	II Tài sản cố định		7.319.584.408	8.488.249.170
221	1 Tài sản cố định hữu hình	7	7.319.584.408	8.488.249.170
222	- Nguyên giá		19.935.761.837	19.634.373.660
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(12.616.177.429)	(11.146.124.490)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		28.697.406.834	28.389.942.811

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
300	A NỢ PHẢI TRẢ		12.899.263.937	11.936.372.517
310	I Nợ ngắn hạn		12.634.081.139	11.703.540.522
311	1 Vay và nợ ngắn hạn	8	7.982.666.633	3.624.718.212
312	2 Phải trả người bán		3.445.557.470	5.749.548.147
313	3 Người mua trả tiền trước		-	222.769.067
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	7.666.233	6.707.560
315	5 Phải trả người lao động		-	823.257.439
319	6 Các khoản phải trả, phải nộp khác	10	1.198.190.803	1.276.540.097
330	II Nợ dài hạn		265.182.798	232.831.995
336	1 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		265.182.798	232.831.995
400	B VỐN CHỦ SỞ HỮU		15.798.142.897	16.453.570.294
410	I Vốn chủ sở hữu	11	15.710.264.706	16.290.801.759
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		13.831.800.000	13.831.800.000
417	2 Quỹ đầu tư phát triển		1.454.245.544	1.310.409.073
418	3 Quỹ dự phòng tài chính		67.526.718	572.350.362
420	4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		356.692.444	576.242.324
430	II Nguồn kinh phí và quỹ khác		87.878.191	162.768.535
431	1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		87.878.191	162.768.535
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		28.697.406.834	28.389.942.811

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
1 Nợ khó đòi đã xử lý		3.166.158	3.166.158

Lập, Ngày 02 tháng 01 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phan Thị Như

Trần Thị Lan

Đinh Ngọc Thực

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12	28.973.518.532	31.297.614.584
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		-	14.597.980
10	3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		28.973.518.532	31.283.016.604
11	4 Giá vốn hàng bán	13	26.128.183.367	27.352.106.595
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.845.335.165	3.930.910.009
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	14	96.845.380	52.199.413
22	7 Chi phí tài chính	15	218.777.900	582.533.738
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		218.777.900	582.533.738
24	8 Chi phí bán hàng		300.923.050	366.993.572
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp		2.311.215.998	2.842.377.873
30	10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		111.263.597	191.204.239
31	11 Thu nhập khác		848.863.356	1.235.070.981
32	12 Chi phí khác		74.979.441	307.779.070
40	13 Lợi nhuận khác		773.883.915	927.291.911
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		885.147.512	1.118.496.150
51	15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16	77.450.406	156.589.461
52	16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		807.697.106	961.906.689
70	18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17	584,00	695,43

Lập, Ngày 02 tháng 01 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phan Thị Như

Trần Thị Lan

Đinh Ngọc Thực

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		30.257.835.949	34.508.292.256
02	2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(26.345.708.852)	(28.256.547.461)
03	3 Tiền chi trả cho người lao động		(5.184.495.530)	(6.105.152.305)
04	4 Tiền chi trả lãi vay		(216.318.835)	(582.533.738)
05	5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(12.193.737)	(101.449.682)
06	6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		12.172.106	161.246.693
07	7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.408.857.240)	(1.652.526.494)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.897.566.139)	(2.028.670.731)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(331.428.572)	(1.774.829.084)
27	2 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		96.845.380	52.199.413
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(234.583.192)	(1.722.629.671)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
33	1 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		11.223.799.817	15.473.373.723
34	2 Tiền chi trả nợ gốc vay		(6.865.851.396)	(11.848.655.511)
36	3 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.106.544.000)	(1.521.498.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.251.404.421	2.103.220.212
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		119.255.090	(1.648.080.190)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2.907.586.448	4.555.666.638
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	3.026.841.538	2.907.586.448

Lập, Ngày 02 tháng 01 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phan Thị Như

Trần Thị Lan

Đinh Ngọc Thực

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2009

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In Diên Hồng được thành lập theo Quyết định số 1574/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: In ấn.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103004371 ngày 13 tháng 05 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 17/9/2009 của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thì lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- In sách giáo khoa, sách khác, báo, tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý, kinh tế xã hội
- Xuất nhập khẩu các loại vật tư, hàng hoá, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành in;
- In tranh ảnh giáo dục;
- Sản xuất và mua bán thiết bị giáo dục;
- Đại lý phát hành sách giáo khoa, sách tham khảo và các ấn phẩm văn hóa khác;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	08 - 10 năm

Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . TIỀN

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tiền mặt	52.210.123	186.172.699
Tiền gửi ngân hàng	1.974.631.415	2.721.413.749
Cộng	2.026.841.538	2.907.586.448

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Phải thu người lao động	692.219.133	-
Phải thu khác	1.212.751.065	1.477.909.898
- Tiền đền bù giải phóng mặt bằng tại Hà Tây	848.605.300	848.605.300
- Vật tư cho Công ty Đầu tư và Phát triển Giáo dục vay	76.831.230	67.147.517
- Cho Công ty Xuất bản giáo dục vay giấy		408.737.206
- Phân xưởng máy vay giấy và mực	56.250.992	56.250.992
- Phải thu khác	231.063.543	97.168.883
Cộng	1.904.970.198	1.477.909.898

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.111.197.713	11.541.231.464
Công cụ, dụng cụ	16.431.111	11.822.232
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.737.091.564	709.713.680
Thành phẩm	363.434.896	391.531.150
Hàng gửi đi bán	36.517.451	321.928.048
Cộng giá gốc hàng tồn kho	13.264.672.735	12.976.226.574

6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	58.407.636
Thuế Thu nhập cá nhân	232.935	-
Cộng	232.935	58.407.636

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

7 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

8 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Vay ngắn hạn	7.982.666.633	3.624.718.212
- Vay ngân hàng	7.982.666.633	3.624.718.212
Cộng	7.982.666.633	3.624.718.212

Các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

Hợp đồng	Lãi suất (năm)	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc	Phương thức bảo đảm
NH Công Thương Chi nhánh Hà Nội					
Khế ước 217110001803310	6,50%	6 tháng	5.811.965.500	3.111.965.500	Hàng hóa
Khế ước 217110001898905	6,50%	6 tháng	1.209.007.620	1.209.007.620	Hàng hóa
Khế ước 217110001919819	8,00%	6 tháng	1.580.826.900	1.580.826.900	Hàng hóa
Khế ước 217110001944440	8,00%	6 tháng	2.080.866.613	2.080.866.613	Hàng hóa
Cộng			10.682.666.633	7.982.666.633	

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	6.849.033	-
Thuế Thu nhập cá nhân	817.200	6.707.560
Cộng	7.666.233	6.707.560

Trong kỳ, Công ty đang được hưởng ưu đãi giảm thuế 50% đối với các doanh nghiệp có cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán, đồng thời Công ty được hưởng ưu đãi giảm thuế 30% đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Kinh phí công đoàn	48.670.391	23.403.871
Bảo hiểm xã hội	70.550.933	73.411.382
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	62.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.058.969.479	1.117.724.844
- Tiền đền bù đất nhận của NXB Giáo dục	1.000.000.000	1.000.000.000
- Phải trả, phải nộp khác	58.969.479	117.724.844
Cộng	1.198.190.803	1.276.540.097

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13.831.800.000	13.831.800.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>13.831.800.000</i>	<i>13.831.800.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>13.831.800.000</i>	<i>13.831.800.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.106.544.000	1.521.498.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>576.242.324</i>	<i>1.521.498.000</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>530.301.676</i>	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	-	0
- <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông</i>	-	8%
Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 72/NQĐH - DH ngày 17 tháng 4 năm 2009, Công ty dự kiến mức chi trả cổ tức năm 2009 là 10% .		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.383.180	1.383.180
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.383.180</i>	<i>1.383.180</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.383.180	1.383.180
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.383.180</i>	<i>1.383.180</i>

e) Các quỹ công ty

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.454.245.544	1.310.409.073
Quỹ dự phòng tài chính	67.526.718	572.350.362
Cộng	1.521.772.262	1.882.759.435

12 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán hàng	28.973.518.532	31.297.614.584
Cộng	28.973.518.532	31.297.614.584

13 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	26.128.183.367	27.352.106.595
Cộng	26.128.183.367	27.352.106.595

14 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	96.845.380	52.199.413
Cộng	96.845.380	52.199.413

15 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền vay	218.777.900	582.533.738
Cộng	218.777.900	582.533.738

16 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	77.450.406	156.589.461
Cộng	77.450.406	156.589.461

Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2009

	Năm 2009 VND
<i>Tổng lợi nhuận trước thuế</i>	885.147.512
<i>Lợi nhuận tính thuế</i>	885.147.512
<i>Thuế suất thuế TNDN</i>	25%
<i>Thuế TNDN trước miễn giảm</i>	221.286.878
<i>Miễn giảm thuế 50% đối với doanh nghiệp có cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán</i>	110.643.439
<i>Miễn giảm 30% thuế TNDN phải nộp đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ</i>	33.193.033
<i>Chi phí thuế TNDN năm hiện hành</i>	77.450.406

17 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	807.697.106	961.906.689
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	807.697.106	961.906.689
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.383.180	1.383.180
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	584,00	695,43

18 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.085.544.839	19.241.317.453
Chi phí nhân công	3.098.016.319	4.593.379.911
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.487.263.539	1.479.540.023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.495.282.901	3.478.121.414
Chi phí khác bằng tiền	1.574.214.817	1.769.119.239
Cộng	28.740.322.415	30.561.478.040

20 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

21 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán hàng			
<i>NXBGD tại Tp. Hà Nội</i>	<i>Đơn vị thuộc NXBGD</i>	16.240.723.807	18.425.647.753
<i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội</i>	<i>Đơn vị thuộc NXBGD</i>	4.102.139.320	2.218.865.419
Mua hàng			
<i>Trung tâm Dịch vụ Kinh doanh giấy tại TP Hà Nội</i>	<i>Nhà cung cấp chính</i>	9.062.683.868	12.188.325.876

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Phải thu			
<i>NXBGD tại Tp. Hà Nội</i>	<i>Đơn vị thuộc NXBGD</i>	537.391.989	16.440.624
<i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội</i>	<i>Đơn vị thuộc NXBGD</i>	128.541.677	-
Phải trả			
<i>Trung tâm Dịch vụ Kinh doanh giấy tại TP Hà Nội</i>	<i>Nhà cung cấp chính</i>	445.525.691	4.893.627.864

22 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Lập, Ngày 02 tháng 01 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phan Thị Như

Trần Thị Lan

Đinh Ngọc Thực

7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	2.877.629.520	15.680.716.101	830.881.971	245.146.068		19.634.373.660
2. Số tăng trong năm	-	104.761.905	226.666.667	-	-	331.428.572
- Mua sắm mới	-	104.761.905	226.666.667		-	331.428.572
3. Số giảm trong năm	-	-	-	30.040.395	-	30.040.395
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	30.040.395	-	30.040.395
4. Số dư cuối năm	2.877.629.520	15.785.478.006	1.057.548.638	215.105.673	-	19.935.761.837
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	2.210.775.841	8.298.273.409	407.973.609	229.101.631		11.146.124.490
2. Số tăng trong năm	170.264.459	1.190.138.732	123.645.706	3.214.642	-	1.487.263.539
- Trích khấu hao	170.264.459	1.190.138.732	123.645.706	3.214.642	-	1.487.263.539
3. Số giảm trong năm	-	-	-	17.210.600	-	17.210.600
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	17.210.600	-	17.210.600
4. Số dư cuối năm	2.381.040.300	9.488.412.141	531.619.315	215.105.673	-	12.616.177.429
III. Giá trị còn lại						
1. Đầu năm	666.853.679	7.382.442.692	422.908.362	16.044.437	-	8.488.249.170
2. Cuối năm	496.589.220	6.297.065.865	525.929.323	-	-	7.319.584.408

11 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	13.831.800.000	1.153.819.612	540.289.501	1.648.888.263	17.174.797.376
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	961.906.689	961.906.689
Tăng khác	-	156.589.461	32.060.861	-	188.650.322
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	2.034.552.628	2.034.552.628
Số dư cuối năm trước	13.831.800.000	1.310.409.073	572.350.362	576.242.324	16.290.801.759
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	807.697.106	807.697.106
Tăng khác	-	143.836.471	25.478.032	-	169.314.503
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	530.301.676	1.027.246.986	1.557.548.662
Số dư cuối năm nay	13.831.800.000	1.454.245.544	67.526.718	356.692.444	15.710.264.706

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của nhà nước	7.054.218.000	51%	7.054.218.000	51%
Vốn góp của đối tượng khác	6.777.582.000	49%	6.777.582.000	49%
Cộng	13.831.800.000	100%	13.831.800.000	100%